TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24** /2018/HS-ST
Ngày: 27-9-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Tô Hoàng Vũ;

Bà: Quang Kim Cúc.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Ông Lê Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/HSST, ngày 31 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS, ngày 5 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; sinh năm 1983; tại: Đồng Tháp; Tên gọi khác: Không có; Hộ khẩu thường trú: , ấp H T, xã T H, huyện L V, Đồng Tháp; Chổ ở hiện nay: , ấp H T, xã T H, huyện L V, Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X, Sinh năm: 1953, con bà Nguyễn Thị K, Sinh năm: 1958, cùng hộ khẩu thường trú: ấp HT, xã T H, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1979 (đã chết); Con: Nguyễn Trọng P, sinh năm: 2013; Anh, chị, em ruột: có 03 người, bị can là người thứ ba; Tiền sự, tiền án: không có; Tạm giữ từ ngày 18/7/2018 đến ngày 27/7/2018.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại ấp H T, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Người Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T là Trợ giúp viên pháp lý Hà Văn Nam, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, chi nhánh số 01. (có mặt).

* Người bị hại:

Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968; Trú tại: ấp T T, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1958; Trú tại: ấp H T, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

* Người làm chứng:

1. Lê Phước S, sinh năm: 2002; Trú tại: ấp H T, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của Lê Phước S là bà Lê Kim H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: ấp H T, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

2. Lê Minh Th, sinh năm: 1955; Trú tại: ấp T T, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

3. Phan Văn B, sinh năm: 1965; Trú tại: ấp TT, xã T H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

4. Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm: 1959; Trú tại: ấp T H, xã V T, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

5. Đoàn Văn Th, sinh năm: 1955; Trú tại: ấp Đ P, xã Đ H, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 18/7/2018, Nguyễn Văn T và Lê Phước S (sinh năm 2002) sau khi uống rượu bia xong tại nhà ông Đoàn Văn Th tại ấp Định Phú, xã Định Hòa, huyện Lai Vung đi bộ về trên đường Huyện lộ số 2, khi đi đến đoạn cầu Mương Dông thuộc ấp Tân Thuận, xã Tân Hòa, huyện Lai Vung thì T và S ngồi nghỉ chân trên cầu. Lúc này có chị Nguyễn Thị N đi chợ về đang đi bộ qua cầu Mương Dông thì bị cáo T nhìn thấy trên hai lỗ tai của chị N có đeo

đôi bông bằng kim loại màu vàng, kiểu tòn ten, có đính nhiều hạt màu trắng nên T nảy sinh ý định giật đôi bông tai của chị N để bán lấy tiền tiêu xài. Khi chị N vừa đi xuống dốc cầu Mương Dông thì T một mình từ phía sau chạy bộ tới, dùng hai tay giật lấy 02 chiếc bông trên hai lỗ tai của chị N làm rớt tại dốc cầu 01 chiếc, còn 01 chiếc T cầm trên tay bỏ chạy ra đường ruộng cách cầu Mương Dông khoảng 100m thì ném chiếc bông tai còn lại xuống đất vì sợ người dân đuổi bắt được có vật chứng trên tay, sau đó T chạy về nhà trốn. Đối với chị N sau khi bị T giật đôi bông tai đã truy hô cùng với người dân giữ Lê Phước S lại giao cho Công an. Qua làm việc, S trình bày người đi chung với S giật đôi bông tai của chị N là Nguyễn Văn T. Qua lời khai của S cơ quan điều tra bắt giữ Nguyễn Văn T, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung, T thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật đôi bông tai của chị N.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung tiến hành khám nghiệm hiện trường và truy tìm vật chứng, anh Lê Minh T sống gần hiện trường nơi xảy ra vụ án đã nhặt được 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, kiểu trái châu tòn ten, có đính nhiều hạt đá màu trắng tại dốc cầu Mương Dông giao nộp cho Cơ quan điều tra, chiếc bông tai mà T ném bỏ trên đường bỏ chạy không thu giữ được. Ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung còn tạm giữ 01 áo sơ mi màu tím đậm, chiều dài 77cm, tay dài, trên ngực bên trái có chữ "FILA" và 01 quần Jean màu xanh, dài 94cm, phía sau hai bên đùi bị rách của Nguyễn Văn T mặc lúc cướp giật đôi bông tai của chị N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 83/KL-ĐGTS ngày 27/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lai Vung kết luận: 01 đôi bông tai vàng 16K (67%), trọng lượng 08 phân 06 li, kiểu tòn ten có đính hạt màu trắng có giá trị 2.287.600 đồng.

Tại cáo trạng số: 27/CT-VKS ngày 31 tháng 8 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị can Nguyễn Văn T về tội "*Cướp giật tài sản*", theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên Tòa, Kiểm sát viên khẳng định việc truy tố trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã công bố. Bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi giật đôi bông tai của bị hại Nguyễn Thị N, chiếm đoạt tài sản có giá

trị 2.287.600 đồng, sau đó bị cáo chạy về nhà trốn thì bị bắt, cho nên hành vi của Nguyễn Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành thẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả xong; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn phải nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội Đồng xét xử áp dụng theo khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi màu tím đậm, chiều dài 77cm, tay dài, trên ngực bên trái có chữ "FILA" và 01 quần Jean màu xanh, dài 94cm, phía sau hai bên đùi bị rách, bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị N 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, kiểu trái châu tòn ten, có đính nhiều hạt đá màu trắng. Bị hại đã nhận lại đúng tài sản bị mất, không có yêu cầu gì.

Đối với chiếc bông tai còn lại không thu giữ được, ngày 09/8/2018 Nguyễn Văn T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.200.000 đồng, chị N đồng ý nhận và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn T.

Đối với Lê Phước S cùng đi chung với Nguyễn Văn T, nhưng khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản T không có rủ rê hay bàn bạc gì trước với S nên không xem xét xử lý đối với S.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo về tội " Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và thống nhất với tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng như Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý Hà Văn Nam bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo về tội " Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân của bị cáo chưa có tiền án tiền sự, ý thức pháp luật kém do trình độ học vấn không có, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả xong, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn phải nuôi con nhỏ để xét xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất là 01 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo, tội danh và khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận vào khoảng 08 giờ ngày 18/7/2018 đã thực hiện hành vi dùng hai tay giật hai chiếc bông tai vàng 16K (67%), kiểu trái châu tòn ten, có đính nhiều hạt đá màu trắng của bị hại Nguyễn Thị N, chiếm đoạt tài sản có giá trị 2.287.600 đồng, sau đó bị cáo chạy về nhà trốn thì bị bắt. Thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở của Nguyễn Thị N khi đang đi chợ về trên đoạn đường ít người qua lại, bị cáo T công khai chạy từ phía sau dùng hai tay giật lấy hai chiếc bông tai của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Lời nhận tội của

bị cáo phù hợp hiện trường vụ án, đúng với sự mô tả của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ được là một chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng 16K (67%), trọng lượng 08 phân 06 li, kiểu trái châu tòn ten, có đính nhiều hạt đá màu trắng, bị hại Nguyễn Thị N đã xác định đúng là chiếc bông tai bị cướp giật, khách thể bị cáo xâm phạm là quyền sở hữu tài sản, bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái phép. Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo Nguyễn Văn T theo điều khoản và tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi do mình gây ra cho nên hành vi của Nguyễn Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

"1.Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

[3] Về tính chất, mức độ hành vi: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, kỷ cương pháp luật bị xâm hại, làm cho người dân hoang mang lo sợ, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái phép, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm. Thế nhưng vì bản chất tham lam, lười biếng lao động, muốn nhanh chóng có được tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Văn T đã cố ý thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại Nguyễn Thị N.

Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết và cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội. Thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng.

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả xong; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn phải nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Ngày 27/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lai Vung đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị N 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng, 16K (67%), kiểu trái châu tòn ten, có đính nhiều hạt đá màu trắng. Bị hại đã nhận lại đúng tài sản bị mất, không có yêu cầu gì. Tài sản đã trao trả cho bị hại đúng quy định và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi màu tím đậm, chiều dài 77cm, tay dài, trên ngực bên trái có chữ "FILA" và 01 quần Jean màu xanh, dài 94cm, phía sau hai bên đùi bị rách, bị cáo không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung quản lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc bông tai còn lại không thu giữ được, ngày 09/8/2018 bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.200.000 đồng, chị N đồng ý nhận và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị K mẹ ruột bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.200.000 đồng, số tiền này là của Nguyễn Văn T đưa cho bà Kiều bồi thường cho bị hại, bà K không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý Hà Văn Nam bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ, Tòa án chấp nhận.

[7] Đối với Lê Phước S cùng đi chung với Nguyễn Văn T, nhưng khi bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật tài sản không có rủ rê hay bàn bạc gì trước với S và S không có tham gia vào vụ cướp giật tài sản nên không xem xét xử lý hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Cướp giật tài sản".

Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2018 đến ngày 27/7/2018.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi màu tím đậm, chiều dài 77cm, tay dài, trên ngực bên trái có chữ "FILA" và 01 quần Jean màu xanh, dài 94cm, phía sau hai bên đùi bị rách do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung quản lý.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- VKSND tỉnh ĐT;
- THA-DS H.Lai Vung;
- Cơ quan điều tra H. Lai Vung;
- Cơ quan THAHS H. Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Các đ/s; Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Huyền